

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 – 2020 V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Nhàn;
2. Ông Lô Văn Vinh;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CC – tỉnh NA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC, tỉnh NA tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CC, tỉnh NA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 473/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị P - sinh năm 1993 - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1990 - Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 15/02/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị P trình bày: giữa chị và bị đơn anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 03/6/2013 tại UBND xã CK, huyện CC, tỉnh NA. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định

về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm, đả đập nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh C thường xuyên cờ bạc, lơ đãng không quan tâm chăm sóc vợ con. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa P hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy mà từ tháng 5/2016 cho đến nay vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai người con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 14/12/2013 và Nguyễn Võ Thế P, sinh ngày 30/11/2016. Hiện nay cháu đang sống cùng với chị tại thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn C thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị P trình bày. Nhưng không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh C nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chị P không tôn trọng bố mẹ chồng. Vì vậy mà hiện nay vợ chồng anh không còn sống chung với nhau nữa. Anh thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh. Anh đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có hai người con chung như chị P đã trình bày. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Võ Thế P, còn con Nguyễn Thị Ngọc A giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh và chị Võ Thị P thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị P, buộc chị Võ Thị P và anh Nguyễn Văn C chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; về con: giao con chung Nguyễn Thị Ngọc A cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành, giao con chung Nguyễn Võ Thế P cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản: chị P và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; về án phí: chị Võ Thị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn: bị đơn hiện cư trú tại thôn 2/9, xã CK, huyện CC nên Tòa án nhân dân huyện CC, tỉnh NA thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND xã CK, huyện CC là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chị Võ Thị P và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn ngày 03/6/2013 tại UBND xã CK, huyện CC, tỉnh NA. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, Theo chị P, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh C thường xuyên lơ đãng, cờ bạc, không tu chí làm ăn, chị đã nhiều lần chị khuyên anh từ bỏ cờ bạc, lơ đãng nhưng anh vẫn chứng nào tật ấy không chịu thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh C cho rằng, do hoàn cảnh về kinh tế khó khăn, chị P không tôn trọng bố mẹ chồng. Mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều xác định không còn tình cảm vợ chồng vì vậy mà từ tháng 5/2016 cho đến nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị P và anh C đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa chị P và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Võ Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị P và anh C có hai người con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 14/12/2013 và Nguyễn Võ Thế P, sinh ngày 30/11/2016. Quá trình giải quyết vụ kiện chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, anh C có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Võ Thế P còn con Nguyễn Thị Ngọc A thì giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy khi cha, mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về vật chất và tinh thần. Như vậy nguyện vọng của chị P và anh C là chính đáng, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con. Nhưng xem xét về điều kiện nuôi con thấy rằng: Theo như chị P trình bày thì tổng mức thu nhập hàng tháng của chị vào khoảng 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/tháng tuy nhiên qua bảng lương chi P cung cấp thì hiện chị P làm công nhân của công ty điện tử MOBASE VN-LAP RAP-49612/VIET NAM tại khu công nghiệp Quế Võ, Bắc Ninh thu nhập từ lương bình quân từ đầu năm 2019 cho đến nay khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, còn anh C thì hiện nay đang nhận thầu xây dựng tại Hà Nội thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Như vậy, có thể thấy, điều kiện nuôi con của các đương sự về cơ bản tương đồng nhau. Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế hiện nay, việc chị P nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng là chưa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Vì vậy, để hài hòa giữa quyền của người cha, người mẹ và quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội

đồng xét xử chấp nhận giao cho anh C trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc A, giao cho chị P trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Võ Thế P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Võ Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Võ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Võ Thế P, sinh ngày 30/11/2016 cho chị Võ Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi, trưởng thành; Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 14/12/2013 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi, trưởng thành. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh C, chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị P, anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Võ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện CC, tỉnh NA theo biên lai thu tiền số 0001565 ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh NA trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. CC;
- Chi cục THADS H. CC;
- UBND xã CK;
- Lưu Hồ sơ, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Lợi

